

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 53/2022/DS-ST
Ngày: 30-8-2022
V/v tranh chấp nghĩa vụ
thanh toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Trường

2. Ông Lưu Trọng Kim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2022/TLST-DS ngày 20/4/2022 về tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2022/QĐXXST-DS ngày 25/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2022/QĐST-DS ngày 12/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim Q, sinh năm 1967 và ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1966; Cùng nơi cư trú: Số M đường B, khu phố N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Kim Q: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Số M đường B, khu phố N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/4/2022).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1982 và ông Thạch Cảnh D, sinh năm 1977; Cùng nơi cư trú: Số B đường số B, thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bà L, ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Kim Q là ông Huỳnh Văn T trình bày:

Ông T và bà Lê Thị Kim Q là vợ chồng, có kinh doanh thức ăn gia súc. Vợ chồng ông Thạch Cảnh D, bà Nguyễn Thị Thúy L có chăn nuôi heo nên thường xuyên mua thức ăn gia súc tại cửa hàng ông T, bà Q từ năm 2017 đến nay. Cũng có nhiều lần ông D, bà L nợ tiền thức ăn gia súc nhưng rồi cũng có trả được 01 ít. Đến ngày 19/9/2019, ông D, bà L còn nợ lại ông T, bà Q số tiền 28.370.000 đồng. Sau đó, bà L có ghi trong sổ nợ của ông T, bà Q dòng chữ: còn lại chú 28.370.000 đồng, tổng cộng số nợ đã ghi trên, bà L đã ký tên vào đó.

Tại đơn khởi kiện, ông T, bà Q buộc bà Nguyễn Thị Thúy L và ông Thạch Cảnh D phải thanh toán cho ông T, bà Q số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ 42.027.000 đồng (Bốn mươi hai triệu không trăm hai mươi bảy nghìn đồng), trong đó gồm:

+ Tiền gốc 28.370.000 đồng.

+ Tiền lãi tính trên 28.370.000 đồng tạm tính từ tháng 9/2019 đến tháng 4/2022 (29 tháng) theo mức lãi suất 1,66%/tháng là 13.657.000 đồng.

* Tại bản tự khai, ông T trình bày đến ngày 11/5/2022, sau khi ông T, bà Q khởi kiện tại Tòa án, bà L, ông D mới trả thêm cho ông T, bà Q được 5.000.000 đồng. Như vậy, số nợ còn lại từ ngày 11/5/2022 cho đến thời điểm hiện nay là 23.370.000 đồng. Vì vậy, ông T, bà Q yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Thúy L và ông Thạch Cảnh D phải thanh toán cho ông T, bà Q số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ 29.771.000 đồng (Hai mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn đồng), trong đó gồm:

+ Tiền gốc 23.370.000 đồng.

+ Tiền lãi tính trên 23.370.000 đồng tạm tính từ ngày 19/9/2019 đến ngày 19/6/2022 (33 tháng) theo mức lãi suất 0,83%/tháng: $23.370.000 \text{ đồng} \times 33 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 6.401.000 \text{ đồng}$.

* Tại bản trình bày ý kiến ngày 30/8/2022, ông T yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy L và ông Thạch Cảnh D phải thanh toán cho vợ chồng ông T, bà Q số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ 30.065.000 đồng (Ba mươi triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), trong đó gồm:

+ Tiền gốc 23.370.000 đồng.

+ Tiền lãi tính trên 23.370.000 đồng tạm tính từ ngày 19/9/2019 đến ngày 30/8/2022 (35 tháng 11 ngày) theo mức lãi suất 0,83%/tháng: $23.370.000 \text{ đồng} \times 35 \text{ tháng } 11 \text{ ngày } (1.061 \text{ ngày}) \times 0,83\%/\text{tháng} (0,027\%/\text{ngày}) = 6.695.000 \text{ đồng}$.

Ông T không yêu cầu tính bất cứ khoản lãi nào khác.

- Tại bản tự khai ngày 22/6/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L trình bày: Bà L và ông Thạch Cảnh D là vợ chồng. Vợ chồng bà L, ông D có chăn nuôi heo nên thường xuyên mua thức ăn gia súc tại cửa hàng của bà Lê Thị Kim Q, ông Huỳnh Văn T từ năm 2017. Cũng có nhiều lần bà L, ông D nợ tiền thức ăn gia súc nhưng rồi cũng có trả được 01 ít. Sau đó, do làm ăn không được tốt nên bà L, ông D không thể trả thêm nợ cho ông T, bà Q. Đến ngày 19/9/2019, bà L, ông D còn nợ lại ông T, bà Q số tiền 28.370.000 đồng. Đến ngày 10/4/2022, bà

L có ghi trong sổ nợ của ông T, bà Q dòng chữ: còn lại chú 28.370.000 đồng, tổng cộng số nợ đã ghi trên, bà L đã ký tên vào đó. Đến tháng 5/2022, bà L, ông D có trả thêm cho ông T, bà Q được 5.000.000 đồng. Như vậy, số nợ còn lại cho đến thời điểm hiện nay là 23.370.000 đồng.

Nay ông T, bà Q khởi kiện tại Tòa án yêu cầu giải quyết như sau: Buộc bà L, ông D phải thanh toán số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ cùng tiền lãi thì bà L có ý kiến như sau: Bà L thừa nhận còn nợ ông T, bà Q số tiền 23.370.000 đồng và đồng ý trả tiền. Đối với khoản tiền lãi, do gia đình khó khăn, nên bà L không đồng ý tính lãi. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Thạch Cảnh D đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông D không đến Tòa án làm việc, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Kim Q là ông Huỳnh Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L, ông Thạch Cảnh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 12/8/2022 và ngày 30/8/2022 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn T, bà Lê Thị Kim Q yêu cầu giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thúy L và ông Thạch Cảnh D phải thanh toán cho vợ chồng ông T, bà Q số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ 30.065.000 đồng (Ba mươi triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), trong đó gồm:

+ Tiền gốc 23.370.000 đồng.

+ Tiền lãi tính trên 23.370.000 đồng tạm tính từ ngày 19/9/2019 đến ngày 30/8/2022 (35 tháng 11 ngày) theo mức lãi suất 0,83%/tháng: $23.370.000 \text{ đồng} \times 35 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} (1.061 \text{ ngày}) \times 0,83\%/\text{tháng} (0,027\%/\text{ngày}) = 6.695.000 \text{ đồng}$.

Ông T không yêu cầu tính bất cứ khoản lãi nào khác.

Nộp kèm là Giấy ghi nợ được phô tô đối chiếu bản chính.

[2.1] Theo giấy ghi nợ có ghi nội dung: 10/4/2022, còn lại chú 28.370.000 đồng, tổng cộng số nợ đã ghi trên, có bà L ký tên bên dưới. Tuy một mình bà L viết và ký tên vào Giấy ghi nợ cho khoản nợ 28.370.000 đồng, nhưng phía trên trong giấy ghi nợ còn nhiều dòng chữ khác bao gồm khoản chốt nợ, khoản trả nợ, trong đó có 01 dòng ghi vào ngày 04/02/2019 “*tôi tên Thạch Cảnh D sinh năm 1977 trả cho chủ số tiền còn lại ngày 20/01/2019 âm lịch con gửi chủ 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng)*”, bên dưới là chữ ký của ông D. Ngày 20/01/2019 âm lịch là ngày 24/02/2019 dương lịch, như vậy đây là lời hứa hẹn

do ông D viết cho ông T, bà Q. Trong giấy ghi nợ đối với tiền nợ thức ăn gia súc đều có chữ viết và chữ ký của ông D, bà L, khẳng định ông D có biết việc mua thức ăn gia súc với ông T, bà Q và biết khoản nợ của ông D, bà L còn nợ lại.

[2.2] Xét thấy quá trình tố tụng, mặc dù ông Thạch Cảnh D không đến tòa án làm việc và không có ý kiến gửi đến Tòa án, nhưng căn cứ vào nội dung giấy ghi nợ, cùng với việc bà L thừa nhận ngày 10/4/2022, bà L có ghi trong sổ nợ của ông T, bà Q số tiền nợ còn lại là 28.370.000 đồng, bà L có ký tên bên dưới và tiền nợ ông T, bà Q là tiền mua thức ăn gia súc phục vụ cho nhu cầu chăn nuôi heo của vợ chồng bà L, ông D, từ đó có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà L, ông D theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, do đó, trách nhiệm trả tiền nợ thuộc về cả hai vợ chồng bà L, ông D. Như vậy, thực tế giữa bà Q, ông T và bà L, ông D có việc nợ tiền mua thức ăn gia súc và có việc ghi trong sổ nợ số tiền 28.370.000 đồng.

[2.3] Bị đơn bà L, nguyên đơn ông T trình bày đến tháng 5/2022, tức là sau thời điểm ông T, bà Q khởi kiện, bà L, ông D có trả thêm cho ông T, bà Q được 5.000.000 đồng; như vậy, số nợ tiền mua thức ăn gia súc còn lại cho đến thời điểm hiện nay là 23.370.000 đồng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2.4] Từ đó có căn cứ xác định, việc ông T, bà Q khởi kiện yêu cầu bà L, ông D thanh toán số tiền nợ 23.370.000 đồng cho ông T, bà Q là có cơ sở theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về lãi suất: Bà L thừa nhận đến ngày 19/9/2019, bà L, ông D còn nợ lại ông T, bà Q số tiền 28.370.000 đồng, từ đó cho đến khi ông T, bà Q khởi kiện, bà L, ông D không thanh toán được khoản tiền nợ nào. Như vậy, bà L, ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 19/9/2019 trên số tiền 28.370.000 đồng, đến tháng 5/2022, bà L, ông D mới thanh toán được 5.000.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn ông T, bà Q đối với bà L, ông D từ ngày 19/9/2019 đến ngày 30/8/2022 (35 tháng 11 ngày) trên 23.370.000 đồng theo mức lãi suất 0,83%/tháng, đồng thời không yêu cầu thêm khoản lãi nào khác, là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, vì vậy có cơ sở chấp nhận. Số tiền lãi phải trả là: 23.370.000 đồng x 35 tháng 11 ngày (1.061 ngày) x 0,83%/tháng (0,027%/ngày) = 6.695.000 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy L và ông Thạch Cảnh D phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 351, 352, 353, 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T, bà Lê Thị Kim Q đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L, ông Thạch Cảnh D về tranh chấp nghĩa vụ thanh toán.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy L, ông Thạch Cảnh D có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Huỳnh Văn T, bà Lê Thị Kim Q số tiền 30.065.000 đồng (Ba mươi triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc 23.370.000 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng), nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/8/2022 là 6.695.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thúy L, ông Thạch Cảnh D phải chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho ông Huỳnh Văn T, bà Lê Thị Kim Q toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009350 ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự (3);
- VKSND huyện Đức Linh (1);
- CC THADS huyện Đức Linh (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung